**Phụ lục VI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU ĐẠT TỶ LỆ "*DE MINIMIS*"**  *(ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 quy định về xuất xứ hàng hóa)* | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | | | | | |  |  |  |  |  |  |
|  | Tên Thương nhân: Công ty ……….. | | |  |  |  |  | Tiêu chí áp dụng: CC/CTH/CTSH + *De minimis* …% | | |  |  |  |
|  | Mã số thuế: …………… | | |  |  |  |  | Tên hàng hóa: | |  |  |  |  |
|  | Số lượng: ……….. |  |  |  |  |  |  | Mã HS của hàng hóa (6 số): | | |  |  |  |
|  | Tờ khai hải quan xuất khẩu số: ………………. | | | |  |  |  | Trị giá (FOB): …………... USD | | |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Công thức tính *De minimis* theo trị giá:

Tổng trị giá của các nguyên liệu không có xuất xứ và không đáp ứng tiêu chí CTC

Tỷ lệ *De Minimis* = x 100%

Trị giá FOB của thành phẩm

hoặc

1. Công thức tính *De minimis* theo trọng lượng:

Tổng trọng lượng của các nguyên liệu không có xuất xứ và không đáp ứng tiêu chí CTC

Tỷ lệ *De Minimis* = x 100%

Tổng trọng lượng của thành phẩm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  |  | | |  | |  | | |  | | |  | |
| **Kết luận: Hàng hóa đáp ứng tiêu chí “CC/CTH/CTSH + *De minimis* …%”** | | | | | | | | | | |  | |  |  | | |  | |  | | |  | | |  | |
| Công ty cam kết số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu đã khai. | | | | | | |  | |  | |  | |  | *….., ngày ... tháng ... năm 20…* | | | | | | | | | | | | |
|  |  | |  | |  | |  | |  | |  | | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** | | | | | | | | | | |
|  |  | |  | |  | |  | |  | |  | | *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)* | | | | | | | |  | | |
| *Ghi chú:* | |  | |  | |  | |  | |  | |  | | |  |  | |  | |  | | |  | | |  | |
| * - Mẫu Bảng kê khai này áp dụng trong trường hợp hàng hóa không đáp ứng tiêu chí “CTC” nhưng vẫn được coi là có xuất xứ nếu đáp ứng Tỷ lệ De Minimis tính theo trị giá hoặc theo trọng lượng tùy theo từng Chương hàng hóa được quy định cụ thể trong Quy tắc xuất xứ ưu đãi/Quy tắc xuất xứ không ưu đãi. * - Thương nhân được phép ghép Bảng kê khai tại Phụ lục V với mẫu Bảng kê khai tại Phụ lục này để cam kết hàng hóa đạt tiêu chí “CTC +*De minimis* …%” | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | | |  | | |  | |
|  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | | |  |  | |  | |  | | |  | | |  | |